

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DSST

Ngày: 07-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Bà Trần Ngọc Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; nơi thường trú: Số A, tổ B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn K, sinh năm 1976; nơi thường trú: Số N, tổ M, khu R, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020). Có mặt.

Bị đơn:

Ông Trần Văn X, sinh năm 1962; nơi thường trú: Số B, tổ T, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1965; nơi thường trú: Số B, tổ T, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp ông Trần Thành T, sinh năm 1988; nơi thường trú: Số A khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số A, tổ B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Võ Văn K trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị Kim Ph có mối quan hệ thân thiết trong gia đình. Vào khoảng tháng 7/2012 vợ chồng ông X, bà PH có vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 7.500.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, hai bên không lập giấy tờ gì.

Đến ngày 11/9/2015 ông X và bà PH vay thêm của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn làm ăn, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1%/tháng, hai bên có lập giấy mượn tiền.

Đến hạn thanh toán bà L yêu cầu ông X, bà PH thanh toán tiền gốc còn nợ 1.600.000.000 đồng nhưng ông X, bà PH không thanh toán. Đến ngày 07/8/2019 vợ chồng ông X, bà PH có viết giấy cam kết trả tiền gốc 1.600.000.000 đồng cho bà L và lãi phát sinh 17.500.000 đồng/tháng từ ngày 10/7/2019 đến 10/7/2020 nhưng từ khi viết giấy cam kết trên ông X, bà PH không thanh toán bất kỳ tiền gì cho bà L.

Nay tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim PH có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 1.600.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi từ ngày 10/7/2019 đến nay tính tròn 21 tháng lãi suất 1%/tháng là 336.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ do bà Lẩm cung cấp gồm: Bản chính giấy mượn tiền ngày 11/9/2015; bản pho to cop py giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu...

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn - ông Trần Thành T người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim PH trình bày:

Ông T là con ruột của ông X và bà PH, ông xác định ông X và bà PH có mượn của bà Nguyễn Thị L số tiền 1.600.000.000 đồng. Nay ông đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà Nguyễn Thị L, riêng tiền lãi thì ông T xin không thanh toán.

Ông T, bà PH xác định ông Trần Văn X hiện nay sức khỏe rất yếu do ông X uống thuốc tự tử nhưng cứu sống được, hiện nay ông X chỉ nằm một chỗ, toàn thân bị liệt, mọi sinh hoạt đều do người nhà lo giúp. Ông T, bà PH xác định ông X hoàn toàn bình thường, tỉnh táo, năng lực hành vi dân sự của ông X bình thường. Nên trường hợp Tòa án có yêu cầu gia đình thực hiện thủ tục giám định ông Trần Văn X có bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hay không thì ông T, bà PH xác định ông T, bà PH không thực hiện vì thấy thực sự không cần thiết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng; triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn X để tham gia tố tụng nhưng ông X không chấp hành và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Thành T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Tài liệu, chứng cứ ông T cung cấp gồm: Bản pho to - Giấy mượn tiền ngày 11/9/2015; giấy ra viện, bảng kê chi phí điều trị; chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L, vợ chồng ông có cho ông X, bà PH vay số tiền 1.600.000.000 đồng như bà L trình bày, số tiền trên là tài sản chung của ông và bà L. Ông C thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà L, ông không có yêu cầu nào khác. Ông yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn X; người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Mỹ Ph - ông Trần Thành T đã được Tòa án tổng đạt hợp

lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan -ông Trần Văn C, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim Ph; địa chỉ: Số B, tổ T, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương trả nợ vay. Xét, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình tố tụng bà PH, ông T xác định ông Trần Văn X đã uống thuốc tự tử đến nay sức khỏe của ông Trần Văn X rất yếu. Mọi sinh hoạt cá nhân của ông Xanh đều phải do người khác thực hiện. Nhưng ông X vẫn nhận thức, hiểu biết được mọi chuyện. Tòa án có lập biên bản làm việc với ông T, bà PH để thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố ông X có bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hay không nhưng ông T, bà PH đã từ chối không thực hiện vì xác định chưa cần thiết. Do đó, Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày 10/7/2019 đến nay làm tròn là 21 tháng.

[5] Xét thấy: Giấy mượn tiền ngày 11/9/2015 và phân ghi thêm tại giấy mượn tiền trên có ghi “Hôm nay, ngày 07/8/2019 ông Trần Văn X cùng vợ tên Nguyễn Thị Kim PH theo địa chỉ trên. Sau khi bàn bạc thống nhất giữa hai bên chúng tôi đồng ý hoàn tất (trả) số tiền gốc 1.600.000.000 đồng cùng số tiền lãi hàng tháng là 17.500.000 đồng kể từ ngày 10/7/2019 đến 10/7/2020”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà và đồng ý trả số nợ 1.600.000.000 đồng. Ông T là con của ông X, bà PH và là đại diện cho bà PH cũng thống nhất trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền gốc 1.600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên nhưng do chưa bán được đất và phải chờ ông X tỉnh lại nên chưa thanh toán cho nguyên đơn, ông T xin không thanh toán tiền lãi. Xét việc thừa nhận nợ của bị đơn là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Bị đơn xin không thanh toán nhưng nguyên đơn không đồng ý nên xét thấy, từ ngày 10/7/2019 đến nay bị đơn không thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ

ngày 10/9/2017 đến nay tính tròn 21 tháng với mức lãi suất 1%/tháng là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Do ông X, bà PH không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 11/9/2015 và cam kết ngày 07/8/2019 về việc thanh toán số tiền vay cho bà L là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà L vi phạm quy định tại Điều 463, Điều 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó lời trình bày của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền vay gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày 10/7/2019 đến nay tính tròn 21 tháng là 336.000.000 đồng.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 92, Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn C số tiền vay gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 336.000.000 đồng. Tổng cộng 1.936.000.000 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim Ph phải chịu án phí sơ thẩm là 70.080.000 đồng (bảy mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 33.840.000 đồng (ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0053001 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;.
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ